

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15/6/2020

V/v “Ly hôn giữa chị T và anh T1”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY – TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Giáp Hồng Thanh

2. Ông Trần Anh Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 399/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2020/QĐ-HPT ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị T, sinh năm 1992 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Thôn TS, xã HĐ, huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

Hiện cư trú: Thôn R, xã P, thị xã X, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy T1, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn TS, xã HĐ, huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 15/11/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Võ Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Duy T1 kết hôn ngày 13/01/2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HĐ, huyện TY, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn chị và anh T1 có thời

gian tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu tại gia đình anh T1 ngay. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2019 chị và anh T1 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau và anh T1 không quan tâm đến gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay. Khi vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn thì gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn anh Nguyễn Duy T1.

Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 31/01/2018. Hiện con chung đang do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, chị đang làm công nhân tại Bắc Ninh thu nhập thường xuyên của chị là 12.000.000 đồng/01 tháng nên đủ điều kiện nuôi con.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian chung sống: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với Nguyễn Duy T1 là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc của Tòa án anh T1 đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho anh T1 về các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án nhưng anh T1 không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên toà, anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán: thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS; Hội đồng xét xử (HĐXX) đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên toà HĐXX đã thực hiện đủ, đúng các quy định của BLTTDS về phiên toà sơ thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn, có ý thức chấp hành các quy định của BLTTDS, bị đơn chưa chấp hành các quy định của BLTTDS. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T, xử chị T được ly hôn anh T1; Con chung: giao cho chị Võ

Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 31/01/2018, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: ngày 12 tháng 12 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị T với bị đơn là anh Nguyễn Duy T1 là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về việc xét xử vắng mặt chị Võ Thị T và anh Nguyễn Duy T1: anh Nguyễn Duy T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Chị Võ Thị T đã được triệu tập hợp lệ tuy nhiên chị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi tại Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh T1 là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét các yêu cầu của nguyên đơn thấy:

[3] Về tình cảm vợ chồng: chị Võ Thị T và anh Nguyễn Duy T1 kết hôn ngày 13/01/2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã HĐ, huyện TY, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau và anh T1 không quan tâm đến gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay. Khi vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn thì gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn anh Nguyễn Duy T1. Quá trình làm việc với bố đẻ anh T1 và qua xác minh tại địa phương thì thấy chị T và anh T1 xảy ra mâu thuẫn từ năm 2019. Gia đình đã từng hòa giải nhiều lần để chị T và anh T1 về đoàn tụ. Tuy nhiên, hiện nay chị T và anh T1 vẫn tiếp tục mâu thuẫn, không về chung sống cùng nhau, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T1, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị T được ly hôn với anh T1.

[4] Về con chung: chị T và anh T1 có 01 con chung là Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 31/01/2018. Hiện nay cháu Bách đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu Bách phát triển tốt, hiện chị T đang làm công nhân tại Bắc Ninh, có thu nhập thường xuyên là 12.000.000 đồng/01 tháng, đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian chung sống: Chị T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: cho chị Võ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Duy T1.

2. Về con chung: giao cho chị Võ Thị T nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 31/01/2018. Anh Nguyễn Duy T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Duy T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số

AA/2018/0006100 ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TY. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TY;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TY;
- Các đương sự;
- UBND xã HĐ;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Tư Duy